

ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC, THÀNH QUẢ GIÁO DỤC VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG - NGHIÊN CỨU SO SÁNH TRƯỜNG HỢP VIỆT NAM VÀ THỤY ĐIỂN

TS. Trần Thị Phương Hoa

Viện Nghiên cứu Châu Âu

Giáo dục có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phát triển của Việt Nam và Thụy Điển. Điều này không chỉ thể hiện trong định hướng chính sách mà còn trong đầu tư tài chính. Mặc dù Việt Nam và Thụy Điển cùng hướng tới mục tiêu vì một dân số có trình độ học vấn và văn hoá cao (luôn song hành với mục tiêu vì một dân số khoẻ mạnh), cùng cam kết dành nguồn chi tiêu đáng kể cho giáo dục, song cách thức đầu tư của hai nước có những điểm khác nhau. Trong hội thảo diễn ra tại Stockholm vào đầu tháng 10-2012 giữa Viện Nghiên cứu Châu Âu, Việt Nam và Viện Nghiên cứu Tương lai, Thụy Điển có một số tham luận liên quan đến phát triển giáo dục ở cả hai nước. Bài viết này xin trình bày những kết quả nghiên cứu đã được hai bên cùng thảo luận và trao đổi.

1. Định hướng chính sách

Việt Nam coi giáo dục là quốc sách hàng đầu. Điều này luôn được nhắc tới trong ngôn bản của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng như trong các chương

trình mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội¹. Đối với Thụy Điển, giáo dục cũng được coi là một trong những yếu tố then chốt cho phát triển. Thụy Điển được coi là một trong những đất nước có nền giáo dục phát triển nhất trong số các nước thuộc tổ chức OECD². Theo đánh giá của OECD, Thụy Điển là một “xã hội giàu có, mạnh khoẻ và được giáo dục tốt”³, trong đó giáo dục phát triển trên cơ sở bình quân chủ nghĩa (egalitarian) theo truyền thống chủ nghĩa Xã hội Dân chủ. Chỉ tiêu cho giáo dục chủ yếu từ ngân sách công, bất kể chi tiêu cho trường công hay trường tư. Trong khi đó, Việt Nam

¹ Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhấn mạnh đến chính sách ưu tiên hàng đầu dành cho giáo dục trong bài viết “*Giáo dục - Quốc sách hàng đầu, tương lai dân tộc*” in trong *Vẻ vấn đề giáo dục-đào tạo*, Hà Nội, Chính trị Quốc gia, 1999, bài đăng lại trên website chính thức của ĐCS Việt Nam, Xem http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulicuvankien/tuli_euedang/details.asp?topic=168&subtopic=463&lead_er_topic=&id=BT29121133660

² OECD - Organization for Economic and Cooperation Development - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, hiện gồm 34 quốc gia phát triển nhất thế giới.

³ OECD (2005), *Equity in Education- Thematic Review*. Sweden Country Note, tr.5.

chủ trương phát triển “kinh tế thị trường có định hướng XHCN” Trong giáo dục, Trung ương nắm quyền kiểm soát chương trình, sách giáo khoa, thi cử. Chủ trương đa dạng hoá nguồn tài chính cho trường học theo

quan điểm “xã hội hoá giáo dục” lần đầu tiên được đưa ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng năm 1993 và được hướng dẫn thực hiện cụ thể trong Nghị định số 5 của Chính phủ ban hành năm 2005.

Bảng 1: Một số chính sách giáo dục và biện pháp thực hiện – so sánh Việt Nam - Thụy Điển

	Thụy Điển	Việt Nam
Chính sách	Chính sách bình quân, theo đó nhấn mạnh đến bình đẳng; - Chiến lược bình đẳng về cơ hội; - Chiến lược bình đẳng về đối xử; - Chiến lược bình đẳng về thành quả.	Khuynh hướng xã hội hoá giáo dục, trong đó tỉ lệ đóng góp cá nhân, cộng đồng ngày càng tăng ⁴ .
Nguồn đóng góp	Dựa vào nguồn thuế đóng góp toàn dân và chi tiêu công ở mức cao. ⁵	Huy động các nguồn lực khác nhau: nhà nước, địa phương, cộng đồng, gia đình. Nguồn đóng góp từ thuế chiếm phần nhỏ trong tổng GDP. ⁶
Phân bổ nguồn lực	Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong phân bổ nguồn ngân sách, chi tiêu công cho giáo dục chiếm tỉ lệ lớn, chi phí tư nhân chiếm một phần rất nhỏ.	Phối hợp giữa các nhân tố nhà nước, địa phương, cộng đồng, hộ gia đình, cá thể. Dịch vụ giáo dục công đang ngày càng bị thương mại hoá thông qua đóng góp của gia đình, cá nhân.
Mức độ bao phủ	9 năm phổ cập miễn phí (từ 7-16 tuổi) hoàn toàn, bao gồm miễn học phí, sách vở, quần áo, đi lại, thức ăn tại trường.	5 năm phổ cập (Tiểu học), miễn học phí nhưng vẫn có nhiều khoản thu bắt buộc khác.
Quan điểm tập trung	Hiện đang tiến tới khuynh hướng phi tập trung và trao quyền tự chủ nhiều	Tập trung hoá quản lý trường học (quy định chung về chương trình,

⁴ Chính sách xã hội hoá giáo dục đã được ĐCS Việt Nam đề cập đến từ năm 1993, trong Hội nghị BCH TW lần thứ tư, Khoá VII (1/1993).

⁵ Thu ngân sách từ thuế của Thụy Điển cao nhất trong các nước OECD, chiếm 58,1% GDP, trong khi con số trung bình ở các nước OECD là 39,6%, Xem OECD (2005), Equity in Education - Thematic Review, tl dd, tr.6.

⁶ Nguồn thu từ thuế của Việt Nam chiếm khoảng 15 % GDP.

<p>và phí tập trung trong quản lý giáo dục</p>	<p>hơn cho địa phương trong việc quản lý trường học (tự do lựa chọn chương trình, sách giáo khoa...) và nguồn kinh phí (ngân sách từ địa phương chiếm 45% chi phí giáo dục). Tất cả các loại trường, kể cả công và tư đều hoạt động bằng ngân sách công.</p>	<p>sách giáo khoa...), phí tập trung về nguồn kinh phí.</p>
<p>Tính công bằng</p>	<p>Hoạt động trên nguyên tắc bình đẳng và toàn dân.</p>	<p>Có sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị, giữa các nhóm có thu nhập khác nhau (về tỉ lệ giáo viên-học sinh, cơ sở vật chất nhà trường, trình độ giáo viên...)</p>
<p>Đánh giá kết quả</p>	<p>Thành quả giáo dục được đánh giá bởi các cơ quan thẩm định độc lập ở mức độ quốc gia và quốc tế dựa vào các tiêu chí khác nhau.</p>	<p>Thi cử và kết quả thi cử là tiêu chí quan trọng.</p>

2. Môi quan hệ giữa tư nhân hoá giáo dục và kết quả giáo dục

Cả Việt Nam và Thụy Điển đều có mức chi tiêu khá cao cho giáo dục so với các nước trong khu vực. *Hình 1* cho thấy, so với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là nước có chi phí cho giáo dục cao nhất (tính theo phần trăm GDP).

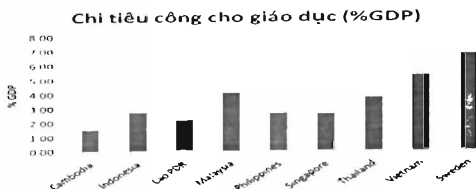
So với Thụy Điển, chi tiêu tư nhân cho giáo dục ở Việt Nam chiếm tỉ lệ cao hơn nhiều (ở bậc giáo dục phổ thông tỉ lệ công-tư

là 75,8:24,2 - chi tiêu công gấp 3 lần chi tiêu tư - *Hình 2*). Trong khi đó, ở Thụy Điển, chi tiêu công cho giáo dục chiếm 6,2% GDP, chi tiêu tư chỉ chiếm 0,2% GDP⁷.

Hình 2 cho thấy, ở Việt Nam, trong số các bậc học, chi tiêu tư cho bậc cao đẳng, đại học chiếm tỉ lệ cao nhất (hơn 50%). Phần lớn chi tiêu công dành cho giáo dục phổ thông (chi tiêu công cao nhất cho bậc tiểu học, chiếm 82,5% tổng chi phí cho bậc học này). Điều này dễ hiểu vì tiểu học là bậc phổ cập bắt buộc và miễn phí.

⁷ Rita Nikolai (2009), "Towards Social Investment? Patterns of Public Policy in the OECD World", *What Future for Social Investment*, Institute for Future Studies, Stockholm, tr.108.

Hình 1: Chi tiêu công cho giáo dục (năm 2008)
ở một số nước Đông Nam Á và Thụy Điển



Hình 2: Tỷ lệ chi công-tư cho giáo dục, Việt Nam (2008)



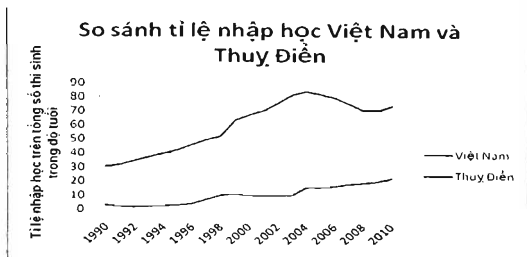
Hiện nay tỉ lệ chi tiêu tư nhân cho giáo dục đang có xu hướng tăng lên và không có cuộc điều tra chi tiết nào cho thấy một bức tranh toàn cảnh về chi tiêu cho giáo dục bao gồm cả công và tư. Trong số các bậc học, chi có giáo dục đại học được cấp nguồn kinh phí trực tiếp từ trung ương, còn lại đều do địa phương nắm việc phân bổ nguồn lực. Ở bậc đại học, chi tiêu tư chiếm tỉ lệ cao hơn so với chi tiêu công. Tình trạng không rõ ràng về ngân sách đã được Báo cáo của UNDP về Phát triển con người Việt Nam năm 2011 đánh giá: "Sự phân biệt giữa chi tiêu công và tư cho giáo dục ở Việt Nam ngày càng thiếu rõ ràng khi các trường công cũng dựa

vào nguồn thu từ học sinh hơn là vào nguồn ngân sách công"⁸. Tình trạng không rõ ràng trong chi tiêu công-tư không chỉ ở bậc đại học mà còn diễn ra ở nhiều bậc học khác. Chẳng hạn ở bậc tiểu học là bậc học phổ cập và miễn phí, phụ huynh vẫn phải đóng góp nhiều khoản khác, đặc biệt đóng góp cho các lớp học thêm. Theo số liệu của UNDP, tỉ lệ chi tiêu tư nhân cho bậc tiểu học là 17,5%, nhưng có điều tra cho thấy con số này trung bình là 30,7%⁹.

⁸ UNDP (2011), *Social Services...*, tr.114.

⁹ Tran Thu Ha, Trudy Hapharm (2005), *Primary education in Vietnam: Extra classes and outcomes*. International Education Journal, 6(5), tr.629.

Hình 3: So sánh tỉ lệ nhập học cao đẳng, đại học Việt Nam và Thụy Điển



Một số kết quả giáo dục

Trong khi xu hướng chỉ tiêu cho giáo dục, bao gồm ngân sách nhà nước và tiền túi của người dân, ngày càng tăng, thì chỉ số phát triển con người của Việt Nam lại bị tụt

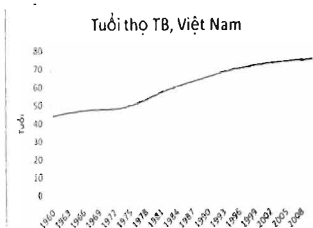
hạng (xem bảng 2). Năm 2001, Việt Nam đứng thứ 101, trên Indonesia một bậc. Năm 2011, Việt Nam đứng thứ 128, sau Indonesia 4 bậc.

Bảng 2: Thay đổi về thứ hạng chỉ số con người (UNDP)

	1991	2001	2011
Brunei	42	32	33
Campuchia	140	121	139
Indonesia	98	102	124
Lào	128	131	138
Malaysia	52	56	61
Philippines	84	70	112
Singapore	37	26	26
Thái Lan	66	66	103
Việt Nam	99	101	128
Thụy Điển	4	4	10

Chỉ số phát triển con người là sự kết hợp của ba chỉ số cơ bản: tuổi thọ trung bình, tăng trưởng GDP trên đầu người, chỉ số giáo dục. Trong vòng 40 năm, tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam đã tăng thêm gần 30 tuổi (năm 1970 tuổi thọ trung bình là 48,

năm 2010, con số là 75 - Hình 4). Tương tự, GDP trên đầu người của Việt Nam tăng ngoạn mục, gấp 14 lần trong vòng 20 năm - Hình 5. Như vậy, chính chỉ số giáo dục đã khiến chất lượng phát triển con người Việt Nam bị tụt hạng.



Hình 4: Tuổi thọ trung bình ở Việt Nam



Hình 5: GDP theo đầu người (USD)

3. Giáo dục đào tạo và thị trường lao động

Hiện nay Việt Nam có tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động ở mức khá cao so với thế giới và khu vực (cao thứ nhì trong ASEAN, chỉ sau Singapore). Thụy Điển đang ở mức thấp hơn mức trung bình của EU và thế giới (bảng 3), nhưng về lực lượng lao động, Thụy Điển đứng ở mức cao với tỉ lệ người có việc làm trong độ tuổi (15-64) chiếm 72,7%, cao hơn so với mức trung bình của EU là 64,2%¹⁰ (Xem bảng 3).

Bảng 3: Tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động (15-64)

	2000	2005	2010	2011
Brunci	67	69	70	70
Campuchia	55	60	64	65
Indonesia	65	66	67	68
Lào	54	57	62	62
Malaysia	63	63	65	65
Myanmar	64	67	69	70
Philippines	58	59	61	61
Singapore	71	72	74	74
Thái Lan	69	70	71	71
Đông Timo	48	51	51	51
Việt Nam	62	67	70	71
Thụy Điển	64	65	65	65
EU	67	67	67	67
Thế giới	63	64	66	66

¹⁰ European Commission (2012), *Employment rate, age group 15-64, 2000-2010*, http://epp.eurostat.ec.europa.eu/statistics_explained/

Bảng 4 cho thấy tỉ lệ nhập học ở bậc đại học của Việt Nam khá thấp so với toàn khu vực ASEAN và thấp hơn rất nhiều so với Thụy Điển (Việt Nam 22%, Thụy Điển

74%). Điều này dẫn đến tỉ lệ người có trình độ đại học trong lực lượng lao động ở Việt Nam khá thấp, khoảng 4%, trong khi con số này ở Thụy Điển là 18%.

Bảng 4: Tỉ lệ nhập học, một số nước ASEAN và Thụy Điển (2010)

	Mẫu giáo	Tiểu học	Trung học	Cao đẳng, đại học
Brunei	88.09	108	110	17
Cambodia	13.21	127	46	8
Indonesia	43.43	118	77	23
Lao PDR	21.95		47	17
Malaysia		126	68	40
Philippines		85	29	
Thailand	99.18	91	77	46
Việt Nam	81.77	106	77	22
Thụy Điển	94.99	101	99	74

Thụy Điển đồng thời cũng là nước có tỉ lệ học sinh trung học phổ thông tham gia chương trình đào tạo nghề cao (hơn 55%)¹¹. Những học sinh này được học các chương trình đào tạo nghề như máy móc, chế tạo, xây dựng, cũng như các nghề liên quan đến nhân văn và nghệ thuật. Chi tiêu cho học sinh phổ thông học nghề cao hơn chi tiêu cho chương trình học chính khoá (cao hơn 347

đôla/học sinh). Chi tiêu cho học nghề là 8.454 đôla/học sinh, trong khi đó chi tiêu cho học chính khoá là 8.107 đôla/học sinh¹².

Việt Nam hiện đang triển khai Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến 2020 (2009-2020). Theo đó, cho tới năm 2020, bình quân mỗi năm sẽ đào tạo hơn 1 triệu lao động nông thôn. Theo đề án này, mỗi người tham gia sẽ được cấp chi phí học

¹¹ OECD Briefing note for Sweden, *Education at a Glance 2008*, tr.20.

¹² OECD Briefing note..., sđd, tr.21.

nghe ngắn hạn (trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) với mức tối đa 3 triệu đồng/người/khoá học, ngoài ra được hỗ trợ tiền ăn 15.000 đồng/ngày/thực học/người, tiền đi lại 200.000 đồng/người/khoá¹³. Hiện nay các chương trình dạy nghề cho nông thôn đang được đánh giá dựa trên khảo sát các đối tượng tham gia các khoá học về chất lượng cũng như hiệu quả các khoá học trên thực tế.

Kết luận

Mặc dù đưa ra những con số khá ấn tượng về đầu tư cho giáo dục, nhưng Việt Nam lại có dấu hiệu tụt hậu so với các nước trong khu vực về quản lý giáo dục, chất lượng giáo dục và tác động của giáo dục đối

với thị trường lao động. Điều này có thể được giải thích là do xu hướng tư nhân hoá giáo dục đang ngày càng tăng, khiến Nhà nước mất khả năng kiểm soát và hậu quả là một số nhóm xã hội không có khả năng tham gia một cách bình đẳng vào quá trình giáo dục chung. Trong khi đó, dù trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế, Thuyết Điển vẫn theo đuổi chính sách bình quân trong giáo dục với vai trò điều tiết mạnh của Nhà nước, với tỉ lệ đóng góp tư nhân vào giáo dục ở mức thấp. Việc so sánh với chính sách giáo dục bình đẳng toàn dân của Thuyết Điển và những kết quả khả quan và tác động tích cực của nó đối với thị trường lao động có thể là bài học kinh nghiệm giúp Việt Nam điều chỉnh lại chính sách giáo dục trong những năm tới.

¹³ Theo Tổng cục Dạy nghề, <http://tcdn.gov.vn/article/189-De-an-Dao-tao-nghe-cho-lao-dong-nong-thon-den-2020.html#display>